

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1363/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước  
về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 5282/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29 tháng 12 năm 2014 về việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 1174/TTr-STP-THPL ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác quản lý

nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các Phụ lục hướng dẫn nội dung báo cáo, thống kê số liệu về xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành  
pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các quy định về xử lý vi phạm hành chính, qua đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

#### **2. Yêu cầu**

- Kế hoạch phải được triển khai đồng bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, xác định trách nhiệm cho từng cấp, ngành, đơn vị một cách rõ ràng, công khai, minh bạch.

- Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Bảo đảm các điều kiện về nhân lực và kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### **II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

#### **1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

a) Xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố, có sự phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính với cơ quan quản lý người có thẩm quyền trực tiếp thực công tác xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm công tác quản lý xử

lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

b) Rà soát, theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

Đơn vị chủ trì: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2015.

## **2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện chủ động thực hiện việc hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính; tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực chuyên ngành hoặc phạm vi địa bàn của cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Đơn vị chủ trì: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2015.

## **3. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

a) Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung kiểm tra trên cơ sở phạm vi, lĩnh vực trọng tâm về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

- Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Sở Tư pháp tham mưu đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành do Giám đốc Sở Tư pháp làm Trưởng đoàn, với sự tham gia của đại diện các Sở, ban - ngành có liên quan đến lĩnh vực được kiểm tra. Đơn vị được mời tham dự: đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố. Địa bàn kiểm tra cụ thể do Trưởng đoàn kiểm tra quyết định sau khi tham khảo ý kiến của các Sở, ban - ngành có liên quan.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

b) Việc thanh tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở đề nghị của cơ quan tư pháp các cấp khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

#### **4. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bảo đảm tổng hợp số liệu đầy đủ, chính xác, đồng thời đưa ra được các nhận định, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong từng ngành, lĩnh vực, nêu lên được các vấn đề còn tồn tại, các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân và các giải pháp, kiến nghị, đề xuất cụ thể. Nội dung báo cáo thực hiện theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đơn vị thực hiện và thời gian thực hiện:

- Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực chuyên ngành hoặc phạm vi địa bàn của cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 năm 2015 đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 10 tháng 10 năm 2015 đối với báo cáo năm.

- Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo của các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện thành báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên

địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 4 năm 2015 đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 20 tháng 10 năm 2015 đối với báo cáo năm.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch này và hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện.

2. Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung thực hiện Kế hoạch theo đúng nội dung, yêu cầu, thời hạn nêu trong Kế hoạch này.

#### **3. Kinh phí thực hiện**

- Đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của Sở Tư pháp: Kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán kinh phí không tự chủ năm 2015 của Sở Tư pháp và giao Sở Tài chính hướng dẫn Sở Tư pháp quyết toán kinh phí theo quy định.

- Đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện: Các cơ quan thực hiện việc lập dự toán, phân bổ kinh phí theo quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan phản ánh cho Sở Tư pháp để được hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**Phụ lục số 01****Hướng dẫn nội dung báo cáo Công tác thi hành pháp luật về xử lý  
vi phạm hành chính***(Kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<sup>1</sup>  
(Nếu có)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc****TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO**

Số: /BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO****Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính****Kỳ báo cáo .....<sup>2</sup>****(Từ ngày..... đến ngày.....)<sup>3</sup>**

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 (Luật XLVPHC) và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC về việc lập báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 06 tháng/hàng năm, [...] <sup>4</sup> báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT XLVPHC VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT**

- Nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành của Ban Cán sự Đảng, Quận, huyện ủy, lãnh đạo Sở, ban - ngành/UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành<sup>5</sup>.

- Công tác phổ biến, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính: (nêu cụ thể hình thức, số cuộc, số lượt người tham dự,..)

- Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: (Nêu cụ thể số cuộc kiểm tra, số cuộc thanh tra, thời gian, đối tượng được kiểm tra, thanh tra, cách thức tổ chức kiểm tra, thanh tra,..)

<sup>1</sup> Ghi theo thể thức hướng dẫn tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

<sup>2</sup> Ghi rõ kỳ báo cáo: 6 tháng hay 1 năm

<sup>3</sup> Ghi rõ thời điểm lấy số liệu:

- Báo cáo 6 tháng: từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 31/3 năm báo cáo
- Báo cáo 1 năm: từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 năm báo cáo

<sup>4</sup> Ghi rõ tên cơ quan báo cáo

<sup>5</sup> Đối với các Sở, ban – ngành: nêu rõ văn bản QPPL mà sở, ngành đã tham mưu UBNDTP ban hành

- Các điều kiện bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: (Nêu cụ thể về tình hình tổ chức, bộ máy, số lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm được phân công thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về XLVPHC, tình hình bố trí máy móc, trang thiết bị, kinh phí,...)

## **II. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

### **1. Tình hình vi phạm hành chính**

- Nêu tình hình vi phạm hành chính trên lĩnh vực/các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cơ quan báo cáo.

Trong nội dung này nêu tình hình chung về vi phạm hành chính, có sự phân tích các số liệu được nêu trong các Mẫu tổng hợp số liệu và so sánh, đánh giá tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước, phân tích nguyên nhân dẫn đến việc tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

### **2. Kết quả công tác xử phạt vi phạm hành chính**

Nêu tổng quát về số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; tổng số vụ bị xử lý; số vụ không xử lý, lý do không xử lý (có thể chia theo ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý, so sánh tỉ lệ số vụ không xử lý trên tổng số vụ vi phạm bị phát hiện). Tổng số tiền phạt thu được, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước).

Đánh giá chung về kết quả đạt được của công tác xử phạt vi phạm hành chính (đánh giá về hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước, tác dụng của việc thực hiện XPVPHC trong thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được giao).

### **3. Khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử phạt vi phạm hành chính**

*(Từ thực tiễn công tác xử phạt vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý trong kỳ báo cáo, [cơ quan lập báo cáo] đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử phạt vi phạm hành chính).*

Nêu cụ thể nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc (do quy định pháp luật, do việc tổ chức thực hiện, do các điều kiện bảo đảm thi hành,...).

### **4. Kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính**

*(Các kiến nghị, đề xuất, các giải pháp phải gắn liền với những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu tại khoản 3; trường hợp kiến nghị liên quan đến các quy định pháp luật: nội dung kiến nghị phải nêu cụ thể đối với từng điều khoản của từng văn bản và có đề xuất cách xử lý).*



### **III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH<sup>6</sup>**

#### **1. Tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

- Nêu tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên từng địa bàn.

Trong nội dung này có sự phân tích các số liệu được nêu trong các Biểu mẫu tổng hợp số liệu và có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân của tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

#### **2. Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

Nêu tổng quát về tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội bị phát hiện, xử lý (có thể chia theo nhóm hành vi hoặc độ tuổi, giới tính của người vi phạm,...). Tổng số hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đã được lập và có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

#### **3. Khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

*(Từ thực tiễn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong kỳ báo cáo, [cơ quan lập báo cáo] đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính).*

#### **4. Kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

*(Các kiến nghị, đề xuất, các giải pháp phải gắn liền với những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu tại khoản 3; trường hợp kiến nghị liên quan đến các quy định pháp luật: nội dung kiến nghị phải nêu cụ thể đối với từng điều khoản của từng văn bản và có đề xuất cách xử lý).*

#### **5. Một số vấn đề khác**

- Tình hình thực hiện quy định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo Điều 131 Luật XLVPHC.

<sup>6</sup> Phần này dành cho UBND quận, huyện và các cơ quan có áp dụng hoặc có tham gia phối hợp áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- Nêu số lượng đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước và trong thời gian chấp hành biện pháp tại các cơ sở nêu trên theo quy định tại Điều 132 Luật XLVPHC; tình hình xử lý các trường hợp này như thế nào?

- Nêu số lượng đối tượng đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại bị ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp chuyển về cơ sở y tế để điều trị.

- Nêu số lượng đối tượng là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động đã chấp hành xong thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được chuyển về cơ sở bảo trợ xã hội.

- Số lượng vụ việc bị khiếu nại, khởi kiện đối với việc lập hồ sơ đề nghị và ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Nêu một số nguyên nhân chính.

#### **IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ<sup>7</sup>**

##### **1. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân**

- Về thể chế;
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp;
- Về các điều kiện bảo đảm thi hành.
- ...

##### **2. Đề xuất, kiến nghị**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....

..... 8

<sup>7</sup> Phần này nêu những khó khăn, vướng mắc, bất cập, nguyên nhân, đề xuất, kiến nghị mang tính tổng quát để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung.

<sup>8</sup> Quyền hạn và chức vụ của người ký Báo cáo.

**Phụ lục số 02**

*(Kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

- (1).....  
 (2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH \***

<b>STT</b>	<b>Cơ quan có thẩm quyền xử phạt</b>	<b>Tổng số vụ vi phạm</b>		<b>Số vụ vi phạm</b>		<b>Tình hình thi hành Quyết định xử phạt</b>		<b>Số vụ</b>													
		<b>Đã ra Quyết định xử phạt</b>		<b>Đối tượng bị xử phạt</b>	<b>Chuyển xử lý bằng hình thức khác</b>	<b>Không ban hành Quyết định xử phạt</b>		<b>Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn</b>	<b>Số vụ vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn</b>	<b>Ghi chú</b>											
		<b>Cá nhân</b>	<b>Tổ chức</b>								<b>Truy cứu TNHS</b>	<b>Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN</b>	<b>Do hết thời hạn ban hành quyết định</b>	<b>Do hết thời hiệu xử phạt</b>	<b>Do người có thẩm quyền không thực hiện xử phạt</b>	<b>Do không xác định được chủ thể vi phạm</b>	<b>Lý do khác</b>	<b>Đã thi hành xong</b>	<b>Hoãn thi hành</b>	<b>Giảm tiền phạt</b>	<b>Miễn tiền phạt</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm 20....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Chú thích*

\* Áp dụng cho các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan lập báo cáo (nếu có).

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

TNHS: Trách nhiệm hình sự

NCTN: Người chưa thành niên

GP: Giấy phép

CCHN: Chứng chỉ hành nghề

**Phụ lục số 03**

(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- (1).....  
 (2).....

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH\***

Số lượng HS	4	Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT	
	5	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định	
Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC			
Tổng số Quyết định của UBND cấp xã			
Số lượng QĐ	8	Áp dụng biện pháp GDXPTT	
	9	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN	
Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện			
Đưa vào TGD			
Số lượng QĐ	11	Đưa vào CSGDBB	
	12	Chưa được thi hành	
	13	Đang chấp hành Quyết định	
Số lượng đối tượng	14	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	
	15	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	
	16	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	
	17	Được hoãn chấp hành Quyết định	
Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyên về cơ sở y tế để điều trị	19	TGD	
	20	CSGDBB	
Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào CSBTXH			
Số vụ	22	Khiếu nại	
	23	Khởi kiện	
Ghi chú			

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm 20....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Chú thích:*

\* Áp dụng cho UBND các quận, huyện để tổng hợp số liệu đối với 03 biện pháp XLHC: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

(1) Tên của cơ quan lập báo cáo.

Cột 6 = Cột 8 + Cột 10.

HS: Hồ sơ.

QĐ: Quyết định.

BPXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

GDXPTT: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

NCTN: Người chưa thành niên.

TAND: Toà án nhân dân.

TGD: Trường giáo dưỡng.

CSGDBB: Cơ sở giáo dục bắt buộc.

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

CSBTXH: Cơ sở bảo trợ xã hội.

**Phụ lục số 04***(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)*(1).....  
(2).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH\***

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng BPXLHC đưa vào CSCNBB	Số lượng đối tượng có nơi cư trú ổn định	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú		Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện áp dụng BPXLHC đưa vào CSCNBB	Số lượng Quyết định chưa được thi hành	Số lượng đối tượng					Số vụ		Ghi chú
				Chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Đưa vào CSBTXH			Đang chấp hành Quyết định	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Được hoãn chấp hành Quyết định	Khiếu nại	Khởi kiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															

**Người lập biểu**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Chú thích:*

\* Áp dụng cho UBND các quận, huyện để cung cấp số liệu về biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(1) Tên của cơ quan lập báo cáo.

BPXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

TAND: Toà án nhân dân

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

CSBTXH: Cơ sở bảo trợ xã hội.